

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kế toán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ HẰNG NGA**

2. Ngày tháng năm sinh: **26/06/1978**; Nữ ☒ ;

Quốc tịch: **Việt Nam**; Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:** ☒

4. Quê quán: **Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 66, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ:

**Nguyễn Thị Hằng Nga, Số nhà 66, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Hiệp Phú,
TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh**

Điện thoại di động: **0931835818**;

E-mail: **nganth@hub.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Nơi công tác	Công việc/Chức vụ
11/2001 – 3/2009	Trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh	Giảng viên Khoa Kinh tế
4/2009 – 03/2019	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Giảng viên Khoa Kế toán Kiểm toán
4/2019 – 11/2020	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Trưởng Bộ môn Khoa Kế toán Kiểm toán
12/2020 → nay	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Giảng viên chính Trưởng Bộ môn Khoa Kế toán Kiểm toán

Chức vụ hiện nay: **Trưởng Bộ môn**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng Bộ môn**

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh**

Địa chỉ cơ quan: **36 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**

Điện thoại cơ quan: **(028) 38 291 901**

8. Đã nghỉ hưu: **Đang làm việc**

9. Trình độ đào tạo:

- **Được cấp bằng Đại học ngày 7 tháng 8 năm 2000;**

Ngành: Tài chính,

Chuyên ngành: Tài chính;

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Việt Nam

Số văn bằng: B 195154;

- **Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 20 tháng 6 năm 2011;**

Ngành: Kinh tế;

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển;

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số văn bằng: A 011201;

- **Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 1 tháng 7 năm 2019;**

Ngành: Kinh doanh và Quản lý;

Chuyên ngành: Kế toán;

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số văn bằng: 000120;

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ứng viên đang công tác tại Bộ môn Kế toán Quản trị, Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường đại học Ngân hàng TPHCM (HUB). Tại khoa Kế toán Kiểm toán – HUB, đang có các chương trình đào tạo như sau:

(1) Bậc đại học có chương trình đào tạo ngành Kế toán và ngành Kiểm toán;

(2) Bậc thạc sĩ có chương trình đào tạo ngành Kế toán – Tài chính quốc tế.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nghiên cứu khoa học gắn kết với hoạt động giảng dạy, các hướng nghiên cứu của ứng viên tập trung chủ yếu vào ba mảng chính, đó là:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Kế toán quản trị, Quản trị tri thức và đổi mới sáng tạo

Kế toán quản trị truyền thống thường bị giới hạn trong vai trò kiểm soát chi phí. Quản trị tri thức và đổi mới sáng tạo là một hướng phát triển mở rộng của Kế toán Quản trị. Khi hướng đến quản trị tri thức và đổi mới sáng tạo, Kế toán quản trị đóng vai trò tích cực trong kiến tạo giá trị, hỗ trợ tổ chức học hỏi từ dữ liệu kế toán và cải tiến liên tục, từ đó tối ưu hóa nguồn lực trong quá trình sáng tạo, đổi mới.

Kết quả nghiên cứu khoa học và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ nhất bao gồm:

✓ Bài báo khoa học và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: **14** bài

+ Số thứ tự trong Mẫu 1 (Mục B.7.1.a): [10], [28], [31], [32], [33], [34], [36], [38], [39], [40], [43], [44], [46], [47].

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên **tạp chí khoa học quốc tế** có uy tín mà ứng viên là **tác giả chính/tác giả liên hệ** sau Tiến sĩ:

+ Số lượng: **04** bài.

+ Số thứ tự trong mẫu 1(Mục B.7.1.a): [38], [43], [46], [47].

✓ Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: **0**

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục B.5):

✓ Đề tài khoa học:

+ Số lượng: **0**

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục B.6):

✓ Hướng dẫn HVCH:

+ Số lượng: 0

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục B.4):

- **Hướng nghiên cứu thứ hai:** Hệ thống thông tin kế toán, Kế toán quản trị môi trường và phát triển xanh

Việc kết hợp hệ thống thông tin kế toán với kế toán quản trị môi trường và phát triển xanh là chiến lược quan trọng giúp doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững. Đây là hướng nghiên cứu liên quan đến luận án Tiến sĩ mà ứng viên đã thực hiện và đam mê theo đuổi. Hướng nghiên cứu này phù hợp với các môn học thuộc Bộ môn Kế toán quản trị do ứng viên làm trưởng bộ môn.

Kết quả nghiên cứu khoa học và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ hai bao gồm:

✓ Bài báo khoa học và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: **16** bài

+ Số thứ tự trong Mẫu 1 (Mục B.7.1.a): [11], [12], [13], [18], [20], [21], [22], [23], [24], [25], [29], [30], [42], [45], [48], [49].

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên **tạp chí khoa học quốc tế** có uy tín mà ứng viên là **tác giả chính** sau Tiến sĩ:

+ Số lượng: **2** bài

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục B.7.1.a): [45], [49].

✓ Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: **01** giáo trình

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục B.5): [2]

✓ Đề tài khoa học:

+ Số lượng: **02** đề tài cấp cơ sở

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục B.6): [1], [2]

✓ Hướng dẫn HVCH:

+ Số lượng: 0

+ Số thứ tự:

- Hướng nghiên cứu thứ ba: Kế toán và Tài chính

Việc kết hợp các nghiên cứu về kế toán và tài chính là một xu hướng ngày càng phổ biến trong nghiên cứu học thuật và thực tiễn quản lý doanh nghiệp. Các nhà quản trị cần cả kiến thức kế toán và kiến thức tài chính để phân tích, lập kế hoạch, và đưa ra các quyết định. Hướng nghiên cứu này phù hợp với chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán – Tài chính quốc tế tại trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

Kết quả nghiên cứu khoa học và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ ba bao gồm:

✓ Bài báo khoa học và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: **20** bài

+ Số thứ tự trong Mẫu 1 (Mục B.7.1.a): [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], [14], [15], [16], [17], [19], [26], [27], [35], [37], [41], [50].

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên **tạp chí khoa học quốc tế** có uy tín mà ứng viên là **tác giả chính** sau Tiến sĩ:

+ Số lượng: **0**

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục B.7.1.a):

✓ Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: **01** giáo trình

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục B.5): [1]

✓ Đề tài khoa học:

+ Số lượng: **01** đề tài cấp cơ sở

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục B.6): [3]

✓ Hướng dẫn HVCH:

+ Số lượng: **04**

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 4): [1], [2], [3], [4].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **04** HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.

- Đã hoàn thành **03** đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cụ thể:

+ Chủ nhiệm 1 đề tài NCKH cấp cơ sở, nghiệm thu ngày 20/3/2018, xếp loại: **Giỏi**

+ Chủ nhiệm 1 đề tài NCKH cấp cơ sở, nghiệm thu ngày 22/6/2020, xếp loại: **Giỏi**

+ Chủ nhiệm 1 đề tài NCKH cấp cơ sở, nghiệm thu ngày 23/10/2024, xếp loại: **Giỏi**

- Đã công bố **50** bài báo khoa học và báo cáo khoa học, gồm có:

+ **10** bài báo công bố trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục SCOPUS và ESCI, trong đó, có **07** bài là tác giả chính/tác giả liên hệ (trước Tiến sĩ **1** bài, sau Tiến sĩ **6** bài);

+ **29** bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước tính điểm;

- + **02** bài báo công bố trên tạp chí quốc tế không thuộc danh mục SCOPUS/ISI;
- + **04** bài báo cáo khoa học công bố trên hội thảo khoa học quốc tế; trong đó có **01** bài đăng trong Book series thuộc danh mục SCOPUS Q4;
- + **05** bài báo cáo khoa học công bố trên hội thảo khoa học quốc gia.
- Số lượng sách đã xuất bản: **02** giáo trình, với vai trò là chủ biên.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
1993	Bằng khen giải Ba học sinh giỏi Toán Toàn quốc	Quyết định 1119/UBKT, ngày 28/5/1993, UBND Tỉnh Nghệ An
2013	Bằng khen Thống đốc NHNN VN	Quyết định 2417/QĐ-NHNN, ngày 23/9/2013, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2017	Bằng khen Thống đốc NHNN VN	Quyết định 2417/QĐ-NHNN, ngày 21/11/2017 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2019	Bằng khen Thống đốc NHNN VN	Quyết định 2010/QĐ-NHNN ngày 30/9/2019 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Danh hiệu thi đua:

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày tháng của QĐ, cơ quan ban hành
2013 – 2014	Chiến sĩ thi đua cấp ngành	Quyết định 2385/ QĐ-NHNN ngày 12/11/2014
2020 – 2021	Chiến sĩ thi đua cấp ngành	Quyết định 1799/QĐ-NHNN ngày 16/11/2021

- Kỷ niệm chương

Năm	Kỷ niệm chương	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2022	Vì sự nghiệp Giáo dục	Quyết định 2833/QĐ-BGDĐT, ngày 3/10/2022, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo
2025	Vì sự nghiệp Ngân hàng	Quyết định 1680/QĐ-NHNN, ngày 04/04/2025 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt 16 năm công tác tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, ứng viên luôn nỗ lực rèn luyện phẩm chất chính trị, tu dưỡng đạo đức, tác phong nhà giáo, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn nghề nghiệp, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao bởi Nhà trường và Khoa Kế toán Kiểm toán. Cụ thể:

Về phẩm chất, đạo đức: Trong vai trò nhà giáo, và là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, trong quá trình giảng dạy, công tác, ứng viên luôn chú ý xây dựng cho mình lối sống mẫu mực của một người Đảng viên, giảng viên có tri thức. Ứng viên học tập và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, luôn đặt lợi ích của tập thể và người học lên trên, luôn tận tâm, tâm huyết với nghề, hết lòng vì người học, hết sức mình làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Trong cuộc sống, ứng viên luôn gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tuân theo nội quy, quy chế của nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo. Ứng viên luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người học. Ứng viên có lối sống trung thực, giản dị và hòa đồng, được tập thể quý mến, được đồng nghiệp và học sinh tin yêu.

Về nhiệm vụ giảng dạy: Ứng viên luôn thực hiện việc giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục; chấp hành nghiêm túc quy chế đào tạo, đảm bảo giờ giảng và tiến độ giảng dạy theo quy định, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình đào tạo; hàng năm, luôn hoàn thành vượt định mức giờ giảng. Ứng viên cũng thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy theo đặc thù của môn học và người học; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo công bằng, khách quan, đúng quy chế. Không chỉ truyền đạt kiến thức, ứng viên còn khơi dậy niềm đam mê học tập nghiêm túc trong mỗi người học, tạo động lực để họ không ngừng nỗ lực và phát triển.

Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học:

Trong vai trò là giảng viên, ứng viên đã nhận thức sự cần thiết kết hợp giữa nghiên cứu khoa học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào công tác giảng dạy. Vì vậy, ngoài việc giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, ứng viên luôn chú trọng và dành nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học. Đến nay, ứng viên đã có **10** bài báo được xuất bản trên những tạp chí khoa học quốc tế có uy tín trong danh mục SCOPUS, trong đó có **07** bài là tác giả chính/tác giả liên hệ (trước Tiến sĩ **1** bài, sau Tiến sĩ **6** bài). Hàng năm, số giờ nghiên cứu khoa học của ứng viên luôn vượt định mức.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **16 năm 2 tháng**

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn GD quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			0	1	270	0	270/691/270
2	2020-2021			0	4	270	0	270/679/270
3	2021-2022				7	270	45	315/772/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1	9	270	0	270/630/270
5	2023-2024			1	8	270	45	315/720/270
6	2024-2025			2	5	270	0	270/607/270

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:

Số hiệu văn bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Khánh Linh		x	x		4/2022 - 10/2022	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	12/12/2022
2	Khưu Thị Phương Linh		x	x		9/2022 – 9/2023		22/3/2024
3	Nguyễn Lý Trường Thành		x	x		4/2024 – 11/2024		4/4/2025
4	Đỗ Như Quỳnh		x	x		4/2024 – 11/2024		4/4/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II Sau khi được công nhận TS							
1	Kế toán Công	Giáo trình	NXB Lao động, 2023	6	X	Hai tác giả viết chung: C1: 1-21 C2: 22-53 C3: 54-90 C4: 91-155 C5: 156-179 C6: 180- 204 C7: 205-237 Ba tác giả viết chung: C8: 238-259	Giấy xác nhận ngày 19/6/2025
2	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	Giáo trình	NXB Lao động, 2023	6	X	C1: 3-26 (viết 1 mình) Hai tác giả viết chung C2: 27-53	Giấy xác nhận ngày 19/6/2025

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS:
Không có

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Các yếu tố Marketing xanh ảnh hưởng đến hình ảnh và giá trị thương hiệu xanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	x	CT-1803-83, Trường ĐHNH TP.HCM	11/2017 - 3/2018	329/QĐ-ĐHNH, 20/3/2018 Xếp loại: Giỏi
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Áp lực thể chế với việc thực hiện Kế toán quản trị môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	x	CT-1906-112, Trường ĐHNH TP.HCM	6/2019 - 6/2020	1225/QĐ-ĐHNH, 22/6/2020 Xếp loại: Giỏi
3	Tác động của vốn trí tuệ đến hiệu quả tài chính tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	x	CT-2304-204, Trường ĐHNH TP.HCM	4/2023 - 10/2024	3586/QĐ-ĐHNH, 23/10/2024 Xếp loại: Giỏi

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Tính kịp thời của báo cáo tài chính: Nghiên cứu thực nghiệm tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	3	x	Tạp chí công nghệ Ngân hàng ISSN: 1859-3682			116, 46-55	11/ 2015

2	Ảnh hưởng của Quy mô, lợi nhuận đến tính kịp thời của Báo cáo tài chính các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam	2	x	Tạp chí Kế toán & kiểm toán ISSN: 1859-1914			148+149, 36-37, 53	1+2/ 2016
3	Tác động của niềm tin kinh doanh và niềm tin tiêu dùng đến lợi nhuận thị trường chứng khoán	2		Tạp chí Khoa học (ĐH Mở TP HCM) ISSN: 1859-3453			2 (47), 114-120	2/2016
4	Ảnh hưởng của thông tin trên báo cáo tài chính đến giá cổ phiếu của các công ty niêm yết	1	x	Tạp chí Kinh tế & phát triển ISSN: 1859-0012		1	226 (II), 118-123	4/2016
5	Đặc điểm cá nhân Kiểm toán viên và hành vi điều chỉnh lợi nhuận của Công ty	2	x	Hội thảo Quốc gia Kế toán, Kiểm toán Việt Nam – 20 năm cải cách và hội nhập ISBN: 978-604-946-086-9			132-136	4/2016
6	Mối quan hệ giữa giá dầu thế giới và chỉ số giá hàng tiêu dùng của Việt Nam	3	x	Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			630, 79-81	4/2016
7	Quỹ đầu tư phát triển địa phương của Colombia và đề xuất cho Việt Nam	1	x	Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			632, 60-62	5/2016
8	Effects of audit firm size and auditor characteristics on firms' discretionary accrual management	4		Hội thảo Quốc tế Proceeding of International Conference on Accounting & Finance 2016 ISBN: 978-604-84-1563-1		2	ICOAF 2016, 106-112	5/2016

9	Vận dụng lý thuyết Coso trong phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	3		Hội thảo Quốc gia Đổi mới và sáng tạo – Những nhân tố then chốt nâng cao hiệu quả hoạt động và lợi thế cạnh tranh của hệ thống Ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập mới ISBN: 978-604-946-122-4			203-212	5/2016
10	Ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa tổ chức đến chia sẻ tri thức tại các trường ĐH, cao đẳng trên địa bàn TP. HCM	2	x	Hội thảo Quốc gia: Những tư tưởng kinh tế quản trị hiện đại và khả năng vận dụng khi Việt Nam tham gia AEC và TPP ISBN: 978-604-73-4626-4			925-936	9/2016
11	Developing Green Banking Via Green Credit Control	4		Hội thảo Quốc tế: Modern ideologies in economics and governance & the application for Vietnam after joining AEC and TPP ISBN: 978-604-622-388-4			155-173	9/2016
12	Attitudes and young consumers' organic food purchasing intentions	2		Journal of Science Ho Chi Minh city Open University ISSN: 1859-3453		10	19(3), 55-62	10/2016
13	Tác động của marketing xanh đến hình ảnh thương hiệu xanh trong lĩnh vực ngân hàng - Góc nhìn của đối tượng quan tâm đến môi trường	2	x	Tạp chí Khoa học & đào tạo Ngân hàng ISSN: 1859-011X			173, 53-58	10/2016

14	Effects of Experience years, Gender of auditors and Audit Firm Size on Firm' Discretionary Accrual Management: Evidence from Vietnam	4		Journal of Science Ho Chi Minh city Open University ISSN: 1859-3453	2	19(3), 35-41	10/ 2016
15	Vị trí của Ngân hàng thương mại Việt Nam trong ASEAN	1	x	Hội thảo Quốc gia Định vị kinh tế Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN ISBN: 978-604-73-4695-0		555-567	11/ 2016
16	Mô hình và cơ chế hoạt động bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp Nhỏ và vừa tại Nhật Bản - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á ISSN: 0868-3646 (2354-077X)		190, 17-24	12/ 2016
17	Ảnh hưởng của thanh khoản đến tỷ suất sinh lời của các ngân hàng VN - phân tích bằng hồi quy phân vị	3		Tạp chí Công nghệ ngân hàng ISSN: 1859-3682		133, 99-107	4/2017
18	Organic food purchasing behavior of young consumers: the role of enviromental concern	1	x	Hue University Journal of Science: Economics and Development ISSN: 1859-1388	3	126(5B), 59-71	5B/ 2017
19	Ứng dụng mô hình mạng thần kinh nhân tạo để ước lượng rủi ro tín dụng ở các ngân hàng thương mại Việt Nam	4		Tạp chí ngân hàng ISSN: 0866-7462		11, 19-24	6/2017
20	Đặc điểm công ty và mức độ tổ chức thực hiện Kế toán quản trị môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam	3	x	Tạp chí Kế toán & kiểm toán ISSN: 1859-1914		171, 53-56, 59	12/ 2017

21	Áp lực thể chế với việc thực hiện kế toán quản trị môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & phát triển ISSN: 1859-0012			250(2), 129-138	4/2018
22	Ảnh hưởng của sự biến động về môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh đến việc thực hiện kế toán quản trị môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & phát triển ISSN: 1859-0012			252(2), 42-52	6/2018
23	The Effect of Contingency Elements on Environmental Management Accounting Implementation in Manufacturing Firms in Vietnam	3		Hội thảo Quốc tế: International Conference on Finance, Accounting and Auditing ISBN: 978-604-946-498-0			ICFAA 2018, 293-311	11/ 2018
24	Consumers' purchase intention of pork traceability: the moderator role of trust <u>[Link tại đây]</u>	2	x	Hội thảo Quốc tế Beyond Traditional Probabilistic Methods in Economics. Hardcover ISBN: 978-3-030-04199-1 eBook ISBN: 978-3-030-04200-4	Book series thuộc danh mục SCOPUS Q4	15	809, 886-897	11/ 2018
25	Impacts of Green Marketing on the Green Brand Image and Equity in Banking Sector <u>[Link tại đây]</u>	2	x	WSEAS Transactions on Business and Economics p ISSN: 1109-9526 e ISSN: 2224-2899	Scopus Q4	24	15, 452-460	12/ 2018
26	The consumers' intention to purchase food: the role of perceived risk <u>[Link tại đây]</u>	3		Academy of Strategic Management Journal p ISSN: 1544-1458 e ISSN: 1939-6104	Scopus Q2	22	18, Issue 1	2/2019

II	Sau khi được công nhận TS							
27	Nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng IFRS tại Việt Nam	3	x	Tạp chí Kế toán & kiểm toán ISSN: 1859-1914			193, 12-14	11/ 2019
28	Mối quan hệ giữa công nghệ thông tin và thực hiện Kế toán quản trị	1	x	Tạp chí Kế toán & kiểm toán ISSN: 1859-1914			200, 96-97	5/2020
29	Áp lực thể chế với thực hiện kế toán quản trị môi trường và hình ảnh thương hiệu xanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & phát triển ISSN: 1859-0012			276, 69-78	6/2020
30	Vai trò trung gian của trách nhiệm môi trường trong ý định mua sản phẩm xanh: Nghiên cứu đối với sinh viên ngành Kế toán	1	x	Tạp chí Kế toán & kiểm toán ISSN: 1859-1914			217, 88-91	10/ 2021
31	Ảnh hưởng của kế toán sáng tạo đến độ tin cậy của báo cáo tài chính theo quan điểm của kế toán viên	2		Tạp chí Kế toán & kiểm toán ISSN: 1859-1914			222, 47-50	3/2022
32	Kế toán sáng tạo và góc nhìn của kế toán viên	2		Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			774, 87-89	4/2022
33	Ảnh hưởng của thu nhập và cung cấp kiến thức đến sự đổi mới: Vai trò trung gian của sáng tạo cá nhân	2		Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			9, 123-134	9/2022
34	Chia sẻ tri thức trong lĩnh vực ngân hàng: Vai trò trung gian của chia sẻ tri thức ẩn	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á ISSN: 2515-9813			210, 65-72	9/2023

35	Hệ thống thanh toán và hiệu quả thực thi chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương	2	x	Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			822, 60-62	4/2024
36	Influence of personality traits on creativity and innovative work behavior of employees [Link tại đây]	2		Problems and Perspectives in Management p ISSN: 1727-7051 e ISSN: 1810-5467	Scopus Q3	4	22(2): 389-398	5/2024
37	Vốn trí tuệ và hiệu quả tài chính của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn việt nam - chi nhánh thành phố thuận an	2	x	Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			833, 191-194	9/2024
38	Rewards, knowledge sharing and individual work performance: an empirical study [Link tại đây]	2	x	Cogent Business & ManageMent ISSN: 23311975	Scopus Q2	5	11(1), 2359372	5/2024
39	The relationship between knowledge-oriented leadership, conflict, and knowledge hiding: empirical research in banking [Link tại đây]	2		International Journal of Knowledge-Based Development p ISSN: 2040-4468 e ISSN: 2040-4476	Scopus Q3		14(3), 249-267	9/2024
40	Xung đột mối quan hệ và hành vi chia sẻ kiến thức: Vai trò điều tiết của lãnh đạo định hướng kiến thức	2	x	Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			35(9), 98-112	9/2024
41	The impact of intellectual capital on financial performance in vietnamese commercial bank [Link tại đây]	1	x	International Journal of Engineering Technology Research & Management ISSN: 2456-9348			8(10), 35-39	10/2024

42	Ảnh hưởng của sự hỗ trợ từ quản lý cấp cao đến hiệu quả hoạt động môi trường: vai trò trung gian của kế toán quản trị môi trường	3	x	Hội thảo Quốc gia Hội thảo khoa học Quốc gia về Kế toán Kiểm toán ISBN: 978-604-481-711-8			VCAA 2024, 102-115	11/ 2024
43	Conscientiousness and creativity of accounting employees: The role of intrinsic motivation <u>[Link tại đây]</u>	1	x	Problems and Perspectives in Management p ISSN: 1727-7051 e ISSN: 1810-5467	Scopus Q3		22(4), 243-252	11/2024
44	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi che giấu kiến thức của nhân viên trong lĩnh vực ngân hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á ISSN: 2515-9813			225, 5-19	12/2024
45	The impact of digital technology on the performance of small and mediumsized enterprises <u>[Link tại đây]</u>	2	x	International Journal of Advanced and Applied Sciences p ISSN: 2313-3724 e ISSN: 2313-626X	Scopus Q3		12(3), 38-48	3/2025
46	The Impact of Knowledge Complexity, Distrust, Psychological Ownership on Knowledge Hiding Behavior. <u>[Link tại đây]</u>	2	x	Electronic Journal of Knowledge Management ISSN: 1479-4411	Scopus Q3		23(1), 119-129	3/2025
47	Personality traits, knowledge-hiding behavior and job performance of employees <u>[Link tại đây]</u>	2	x	Foundations of Management p ISSN: 2080-7279 e ISSN: 2300-5661	Scopus Q4		17(1), 85-96	5/2025

48	The impact of environmental management accounting on environmental performance: the mediating role of knowledge management [Link tại đây]	1	x	International Journal Of All Research Writings ISSN: 2582-1008			6(12), 26-31	6/2025
49	Applying Structural Equation Modelling to Examine the Impact of Environmental Management Accounting on Financial [Link tại đây]	1	x	Journal of Applied Data Sciences e ISSN: 2723-6471	Scopus Q3		6(3) 1656 - 1665	6/2025
50	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai hệ thống dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam	1	x	Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán ISSN: 1859-4093			289, 62-66	6/2025

- Trong đó:

+ Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà Ứng viên là tác giả chính/tác giả liên hệ sau Tiến sĩ là **06 bài**.

Số TT trong mẫu 1 (Mục B.7.1.a): [38], [43], [45], [46], [47], [49].

- Chỉ số trích dẫn từ cơ sở dữ liệu Google Scholar (đến 26/06/2025): trích dẫn 86 lần. h-index: 5. **[Link tại đây]**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: **Chưa có**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): **Không có**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ Kế toán – Tài chính quốc tế	Tham gia	Quyết định số 3141/QĐ/ĐHNH về việc thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ Kế toán – Tài chính quốc tế. Ngày 8/11/2023	Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh	Quyết định số 376/QĐ-ĐHNH về việc mở ngành Kế toán (chương trình Kế toán – Tài chính quốc tế), trình độ Thạc sĩ, mã ngành 8340301, ngày 5/2/2024	
2	Đề án xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán – Tài chính quốc tế	Tham gia	Quyết định số 3603/QĐ/ĐHNH về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo, thuộc Đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ Kế toán – Tài chính quốc tế. Ngày 7/12/2023	Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh	Quyết định số 77/QĐ-ĐHNH về việc ban hành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán (chương trình Kế toán – Tài chính quốc tế), ngày 9/1/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: **Không**

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Hàng Nga', with a stylized flourish at the end.

Nguyễn Thị Hằng Nga